

Số: /HD-SGDĐT

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

## HƯỚNG DẪN

**Hoạt động sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 về ban hành Điều lệ Sáng kiến; Nghị định số 267/NĐ-CP ngày 14/10/2025 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ; Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số 2066/HD-SKHHCN ngày 04/12/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn hoạt động sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình,

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn một số nội dung về hoạt động sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học lĩnh vực GDĐT (sau đây gọi là Hướng dẫn) để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong ngành Giáo dục tỉnh Ninh Bình, như sau:

## **I. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Áp dụng từ năm 2026 đối với Sở GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình; làm căn cứ xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

2. Đối tượng là công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT.

## **II. Giải thích từ ngữ**

1. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến<sup>1</sup>.

2. “Sáng kiến” trong ngành Giáo dục là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực GDĐT (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó; đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó, có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, giúp nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác, cụ thể:

2.1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ hoặc một vấn đề xác định, bao gồm: Sản phẩm, quy trình.

2.2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc, bao gồm: Phương pháp tổ chức công việc, điều hành, kiểm tra, giám sát hành chính, sự nghiệp (như: các biện pháp, giải pháp quản lý tài sản, tài chính, nhân sự, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí; đảm bảo an toàn trật tự, an toàn giao thông; phòng chống bạo lực học đường; tư vấn tâm lý; quản trị trường học; công tác cải cách hành chính; chuyển đổi số; ...); công tác quản lý, chỉ đạo, triển khai các hoạt động trong nhà trường, cơ quan, đơn vị; công tác đảng, đoàn thể; xây dựng giáo dục thông minh; ...

2.3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện có hiệu quả nghiệp vụ trong công tác giảng dạy, học tập, trong đó tập trung giải quyết các vấn đề: Cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, ôn tập các môn học, các hoạt động giáo dục; kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số; giáo dục STEM trong trường học; công tác chủ nhiệm; hoạt động tư vấn; sử dụng, cải tiến thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học; giáo dục học sinh khuyết tật; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; ...

2.4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội.

a) Hiệu quả kinh tế: Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; nâng cao hiệu quả kỹ thuật; ...

b) Lợi ích xã hội: Nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học; nâng cao

---

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 2, Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

điều kiện an toàn lao động; cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khoẻ con người; ...

3. Đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài) là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

4. “Đơn vị cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập<sup>2</sup>.

5. Sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc đề tài đã được nghiệm thu thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; sáng kiến hoặc đề tài có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh; sáng kiến hoặc đề tài có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc<sup>3</sup>.

### **III. Nguyên tắc đánh giá, công nhận sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài**

1. Việc đánh giá, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và do người đứng đầu cơ sở có thẩm quyền xét, công nhận.

2. Sáng kiến, đề tài có đồng tác giả thuộc nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nhau thì việc đề nghị xét, công nhận sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài trong phạm vi cơ sở phải có ý kiến thống nhất của các đồng tác giả về việc nộp đơn (hoặc từ bỏ quyền tác giả) đối với sáng kiến, đề tài; đồng thời phải có xác nhận của cơ quan nơi tác giả đang công tác về việc tác giả tham gia thực hiện sáng kiến, đề tài.

3. Một giải pháp không được đề nghị xét nhiều hình thức. Nếu giải pháp đã đề nghị xét, công nhận theo đối tượng “sáng kiến” thì không đề nghị xét, công nhận theo đối tượng “đề tài” và ngược lại.

4. Sáng kiến, đề tài sao chép của tác giả khác, sao chép từ các nguồn tài liệu đã được công bố trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nếu bị phát hiện thì kết quả công nhận sẽ bị hủy bỏ.

### **IV. Quy định về sáng kiến và công nhận sáng kiến**

<sup>2</sup> Khoản 4 Điều 2, Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

<sup>3</sup> Khoản 4 Điều 9, Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ .

## 1. Quy định về tác giả và đồng tác giả

1.1. “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến<sup>4</sup>.

1.2. Người đứng tên nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến là tác giả sáng kiến hoặc đồng tác giả sáng kiến (gọi chung là tác giả).

1.3. Chỉ ghi nhận tác giả sáng kiến có tỷ lệ đóng góp từ 20% trở lên; ngoại trừ sáng kiến có quy mô thực hiện phạm vi rộng lớn, có sự phối hợp giữa nhiều cơ quan, đơn vị và có phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh thì phải có thuyết minh cụ thể, hợp lý nội dung đóng góp của từng tác giả để được xem xét.

1.4. Mỗi sáng kiến được công nhận 1 lần; mỗi cá nhân (hoặc nhóm cá nhân là đồng tác giả) có thể được xét nhiều hơn 1 sáng kiến.

1.5. Tác giả (đồng tác giả) chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

## 2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

2.1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (*theo mẫu tại Phụ lục 1*), được đánh máy, trình bày rõ ràng bằng tiếng Việt, không tẩy xóa, cụ thể:

- Khổ giấy: Khổ A4 (210 mm x 297 mm).
- Kiểu trình bày: Theo chiều dài khổ giấy A4.
- Căn lề trang: Cách mép trên và mép dưới 20-25 mm, cách mép trái 30-35 mm, cách mép phải 15-20 mm.
- Phong chữ: Tiếng Việt Times New Roman, cỡ chữ 14, bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, màu đen.
- Số trang: Bằng chữ số Ả Rập; cỡ chữ 13 đến 14; kiểu chữ đứng; đặt căn giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của Đơn yêu cầu sáng kiến; không hiển thị trang thứ nhất; không tính số trang bìa, trang bìa lót, thông tin sáng kiến, các phụ lục, minh chứng kèm theo (nếu có).

2.2. Thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến (*quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ Sáng kiến*): Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày giải pháp được đưa vào áp dụng lần đầu, nếu giải pháp trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên.

2.3. Mỗi Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

---

<sup>4</sup> Khoản 5 Điều 2, Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

2.4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hợp lệ để được xem xét, công nhận phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn (phần “Thông tin chung”); có xác nhận của lãnh đạo cơ quan, đơn vị áp dụng sáng kiến.

### **3. Điều kiện xét, công nhận và hồ sơ sáng kiến**

#### *3.1. Điều kiện xét, công nhận sáng kiến*

Sáng kiến được đơn vị công nhận phải đáp ứng các điều kiện sau:

##### a) Tính mới

- Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước.

- Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện ở cơ quan, đơn vị.

- Không trùng với các sáng kiến, giải pháp, đề xuất của người khác đã, đang áp dụng hoặc đã được đưa vào kế hoạch áp dụng, kế hoạch phổ biến hoặc áp dụng thử.

##### b) Tính khả thi

- Nêu rõ khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong cùng lĩnh vực, cùng ngành.

- Phù hợp với điều kiện thực hiện nhiệm vụ của đơn vị tại thời điểm triển khai sáng kiến.

- Được áp dụng ngay trong công việc của cá nhân tại cơ quan, đơn vị.

##### c) Tính hiệu quả (hiệu quả kinh tế, xã hội)

- Mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, tham mưu, phục vụ; cải thiện điều kiện, chất lượng làm việc, công tác.

- Hiệu quả kinh tế (nếu có): Là những lợi ích trực tiếp có thể thu được hoặc tác động trực tiếp đến việc tạo ra lợi ích do áp dụng sáng kiến vào việc điều hành, quản lý, tổ chức, sản xuất, học tập và đời sống, góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tính được giá trị làm lợi bằng tiền.

- Hiệu quả xã hội: Được thể hiện dưới dạng nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý, tham mưu, phục vụ nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; nâng cao điều kiện an toàn dạy học, cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho con người, cộng đồng, tạo ra hướng mới cho tương lai; đảm bảo an toàn trật tự, an ninh trường học, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, tránh lãng phí; cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục; ...

d) Không vi phạm quy định của pháp luật hoặc đạo đức xã hội và quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Các hồ sơ sáng kiến sao chép hoặc trùng lặp với hồ sơ đã đề nghị trước đây sẽ không được xem xét, đánh giá.

### 3.2. Hồ sơ sáng kiến

- Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (*theo Phụ lục 1*).

- Tài liệu chứng minh sáng kiến đã áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực tại Đơn vị cơ sở/cơ sở/tỉnh, thành phố/toàn quốc (*văn bản triển khai, báo cáo thể hiện hiệu quả sáng kiến, văn bản phối hợp, hình ảnh, sản phẩm/mô hình giảng dạy, ...*).

## 4. Tiếp nhận, công nhận, hủy bỏ sáng kiến; hoạt động của Hội đồng sáng kiến cơ sở

4.1. Tác giả sáng kiến gửi Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến và Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4.2. Cơ sở khi nhận được Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Điều lệ Sáng kiến và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4.3. Cơ sở tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm đánh giá giải pháp nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN. Kết quả đánh giá phải thể hiện bằng văn bản.

4.4. Việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận sáng kiến; hủy bỏ việc công nhận sáng kiến thực hiện theo hướng dẫn tại Mục VIII, Mục IX Phần A Công văn số 2066/HD-SKHCN ngày 04/12/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình.

4.5. Hội đồng sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thành lập, hoạt động theo hướng dẫn tại Mục VI Phần A Công văn số 2066/HD-SKHCN ngày 04/12/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình.

## 5. Cách tính điểm sáng kiến, đề tài

### 5.1. Thang điểm

#### a) Cách tính điểm sáng kiến

TT	Nội dung	Điểm tối đa
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Trình bày sáng kiến</b>	<b>5</b>
1	Bố cục đầy đủ, trình bày đúng thể thức, ngôn ngữ rõ ràng, có minh chứng/số liệu kèm theo.	5
2	Trình bày tương đối đầy đủ, còn một số lỗi nhỏ về thể thức hoặc diễn đạt.	3

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm tối đa</b>
3	Trình bày chưa đạt, thiếu bố cục hoặc thiếu minh chứng cơ bản.	1
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Tính mới của sáng kiến</b>	<b>35</b>
1	Hoàn toàn mới, được áp dụng hiệu quả lần đầu tại đơn vị.	35
2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây ở mức độ Khá.	25
3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây ở mức độ Trung bình.	15
4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây ở mức độ dưới Trung bình.	5
5	Không có tính mới, không có sự cải tiến.	0
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Khả năng áp dụng, khả năng nhân rộng</b>	<b>20</b>
1	Được áp dụng hoặc có khả năng áp dụng trong toàn tỉnh hoặc toàn quốc.	20
2	Được áp dụng hoặc có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân rộng ra ở một số đơn vị trong tỉnh.	15
3	Được áp dụng trong phạm vi đơn vị/cơ sở.	10
4	Khả năng áp dụng, nhân rộng tại đơn vị còn hạn chế.	5
5	Không có khả năng áp dụng tại đơn vị.	0
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Tính hiệu quả của sáng kiến</b>	<b>40</b>
1	Mang lại hiệu quả rất cao; có số liệu, minh chứng rõ ràng; thể hiện chuyên biến nổi bật so với trước khi áp dụng.	40
2	Mang lại hiệu quả khá; minh chứng tương đối rõ; có chuyên biến tích cực.	30
3	Mang lại hiệu quả ở mức trung bình; có tác động nhưng minh chứng còn hạn chế.	20
4	Hiệu quả thấp hoặc tác động chưa rõ.	10
5	Không chứng minh được hiệu quả áp dụng.	0
<b>V</b>	<b>Tổng cộng (là điểm mục I+II+III+IV):</b>	<b>100</b>

## b) Cách tính điểm đề tài

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm tối đa</b>
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Trình bày đề tài</b>	<b>5</b>
1	Bố cục đầy đủ, khoa học, trình bày đúng thể thức, có phụ lục và minh chứng kèm theo.	5
2	Trình bày tương đối đầy đủ, còn một số lỗi nhỏ về thể thức hoặc diễn đạt.	3
3	Trình bày chưa đạt, thiếu bố cục hoặc thiếu minh chứng cơ bản.	1
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Tính mới, tính khoa học, tính sáng tạo của đề tài</b>	<b>35</b>
1	Có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh hoặc toàn quốc; được nhiều cơ quan, đơn vị tham khảo, vận dụng hoặc có thể áp dụng.	35

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm tối đa</b>
2	Có phạm vi ảnh hưởng ở nhiều đơn vị trong ngành/địa phương.	25
3	Có phạm vi ảnh hưởng chủ yếu trong phạm vi cơ quan, đơn vị chủ trì.	15
4	Phạm vi ảnh hưởng còn hạn chế.	5
5	Chưa xác định được phạm vi ảnh hưởng.	0
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Phạm vi ảnh hưởng</b>	<b>30</b>
1	Có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh hoặc toàn quốc; được nhiều cơ quan, đơn vị tham khảo, vận dụng hoặc có thể áp dụng.	30
2	Có phạm vi ảnh hưởng ở nhiều đơn vị trong ngành/địa phương.	20
3	Có phạm vi ảnh hưởng chủ yếu trong phạm vi cơ quan, đơn vị chủ trì.	15
4	Phạm vi ảnh hưởng còn hạn chế.	5
5	Chưa xác định được phạm vi ảnh hưởng.	0
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Hiệu quả áp dụng</b>	<b>30</b>
1	Hiệu quả áp dụng rất cao; có minh chứng, số liệu rõ ràng; tác động thực tiễn nổi bật.	30
2	Hiệu quả áp dụng khá; có minh chứng tương đối rõ.	20
3	Hiệu quả áp dụng ở mức trung bình; tác động có nhưng chưa thật nổi bật.	10
4	Hiệu quả áp dụng thấp hoặc chưa rõ.	5
5	Không chứng minh được hiệu quả áp dụng.	0
<b>V</b>	<b>Tổng cộng (là điểm mục I+II+III+IV):</b>	<b>100</b>

5.2. Điểm của sáng kiến, đề tài là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng.

5.3. Sáng kiến, đề tài được công nhận khi đạt từ 50 điểm trở lên, trong đó mỗi tiêu chí phải đạt tối thiểu 50% số điểm của tiêu chí và đồng thời phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng đồng ý thông qua.

#### 5.4. Kết luận và đề xuất

Nếu sáng kiến, đề tài đáp ứng đầy đủ tiêu chí, minh chứng thành viên Hội đồng cần ghi rõ đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài. Nếu sáng kiến, đề tài cần điều chỉnh, bổ sung, có thể ghi rõ khuyến nghị để tác giả hoàn thiện, cụ thể:

a) Từ 80 điểm đến 100 điểm: Sáng kiến có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở. Đề nghị nhân rộng phạm vi cấp tỉnh trở lên; đăng website của đơn vị, của Sở GDĐT.

b) Từ 70 điểm đến dưới 80 điểm: Sáng kiến, đề tài có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở. Cần cải tiến; đăng website của đơn vị, của Sở GDĐT.

c) Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm: Sáng kiến, đề tài có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở. Cần cải tiến.

Trên cơ sở thang điểm trên, các Hội đồng thiết kế phiếu chấm phù hợp (nếu cần). Việc chấm điểm là cơ sở tham khảo để Hội đồng đề xuất công nhận; quyết định công nhận sáng kiến, đề tài.

## **V. Công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

### **1. Công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến**

1.1. Căn cứ kết quả xét, công nhận sáng kiến ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, đơn vị đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Việc công nhận được thể hiện bằng quyết định hoặc văn bản xác nhận. Quyết định công nhận (*tham khảo Phụ lục 2*); văn bản xác nhận (*theo Mẫu số 13 của Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ*).

1.2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến:

a) Mức “Đạt” hoặc không “Đạt”. Dựa trên kết quả đánh giá về: Tính mới (có tính mới trong phạm vi cơ sở đó); có khả năng mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế, xã hội... (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật; nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người; nâng cao cách thức tổ chức, điều hành, kiểm tra, giám sát công việc, ..).

b) Phiếu đánh giá sáng kiến (*tham khảo mẫu tại Phụ lục 3*).

1.3. Thời gian đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến do cơ sở quyết định.

### **2. Công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài**

2.1. Việc công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài tại cơ sở do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2.2. Hồ sơ đánh giá gồm:

a) Văn bản giao nhiệm vụ thực hiện đề tài của cơ quan, đơn vị.

b) Bản sao báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài.

c) Bản sao quyết định và biên bản nghiệm thu đề tài.

d) Các tài liệu minh chứng đề tài đã được áp dụng và mang lại hiệu quả trong phạm vi cơ sở trở lên.

2.3. Tiêu chí đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài:

a) Đề tài đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên.

b) Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài (tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, tạo ra sản phẩm mới có giá trị cao, cải thiện chất lượng cuộc sống, giải quyết các vấn đề xã hội, tạo ra các công nghệ mới, phương pháp mới, hoặc có đóng góp vào tri thức khoa học; lan tỏa ra nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương, hoặc cả nước). Phiếu đánh giá đề tài (*tham khảo mẫu tại Phụ lục 4*).

2.4. Thời gian đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài do cơ sở quyết định.

## **VI. Hồ sơ công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài**

### **1. Hồ sơ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến**

#### *1.1. Thành phần hồ sơ gồm:*

a) Văn bản của cơ quan/đơn vị đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc toàn quốc của sáng kiến (*tham khảo Phụ lục 5*).

b) Bản mô tả sáng kiến (*tham khảo Phụ lục 1*).

c) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến (đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh) - *tham khảo Phụ lục 2*.

d) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh của sáng kiến (đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong toàn quốc).

đ) Các tài liệu minh chứng sáng kiến đã được áp dụng và mang lại hiệu quả ngoài phạm vi cơ sở:

- Đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh: Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, mang lại hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác... tại ít nhất 02 sở/ngành/đơn vị/địa phương (có xác nhận của đơn vị đã áp dụng sáng kiến) hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên sở/ngành/đơn vị/địa phương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo, ...

- Đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong toàn quốc: Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, mang lại hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác... tại ít nhất 02 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên tỉnh/thành phố trực thuộc

Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo.

1.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản gốc và 01 bản file pdf.

## **2. Hồ sơ đề công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài**

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan/đơn vị đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc toàn quốc của đề tài (*tham khảo Phụ lục 5*).

b) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài (đối với đề tài đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh) - *tham khảo Phụ lục 2*.

c) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh của đề tài (đối với đề tài đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc).

d) Bản sao báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài.

đ) Bản sao quyết định và biên bản nghiệm thu đề tài.

e) Các tài liệu kèm theo:

- Đối với đề tài đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh: Đề tài đã được ứng dụng và mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác, ... tại ít nhất 02 sở/ngành/đơn vị/địa phương qua các hình thức như: Hợp đồng chuyển giao/văn bản xác nhận, bàn giao kết quả cho cơ quan, đơn vị áp dụng; hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên sở/ngành/đơn vị/địa phương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo, ...

- Đối với đề tài đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc: Đề tài đã được ứng dụng và mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác, ... tại ít nhất 02 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương hoặc được phổ biến tuyên truyền trong các hội nghị liên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương qua các hình thức như: Hợp đồng chuyển giao/văn bản xác nhận, bàn giao kết quả cho cơ quan, đơn vị áp dụng; hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo, ...

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản gốc và 01 bản file pdf.

## **VII. Thẩm quyền đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài**

1. Việc đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài trong phạm vi cơ sở tại Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Giám đốc Sở GDĐT và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT xem xét quyết định.

2. Việc đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân thuộc các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở; các trường Mầm non, phổ thông tư thục; Trường Phổ thông thực hành sư phạm Tràng An do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý trực tiếp đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn.

## **VIII. Lưu trữ hồ sơ công nhận sáng kiến, đề tài**

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, lưu trữ hồ sơ.

2. Hồ sơ lưu trữ gồm: Hướng dẫn; các loại quyết định, kế hoạch (đơn vị có thể xây dựng trong kế hoạch nhiệm vụ năm học); các văn bản về sáng kiến, đề tài; hồ sơ công nhận, bản mô tả, các minh chứng kèm theo sáng kiến, đề tài.

## **IX. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

1.1. Giao Văn phòng Sở GDĐT chủ trì tham mưu thành lập Hội đồng sáng kiến/ Hội đồng khoa học; tham mưu quyết định công nhận sáng kiến, đề tài, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài đối với sáng kiến, đề tài của các cá nhân thuộc cơ quan Sở GDĐT; tổng hợp danh sách, tham mưu văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến, đề tài thuộc Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT; có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc việc thực hiện Hướng dẫn này.

### *1.2. Các phòng thuộc Sở*

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Hướng dẫn này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động thuộc phòng.

b) Tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến và gửi hồ sơ sáng kiến, đề tài về Sở GDĐT (qua Văn phòng Sở GDĐT), đồng thời gửi file hồ sơ qua địa chỉ email: [phongcntt.soninhbinh@moet.edu.vn](mailto:phongcntt.soninhbinh@moet.edu.vn). Thời gian gửi từ ngày 15/9 đến trước ngày 30/9 hằng năm.

## 2. Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT

2.1. Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Hướng dẫn này đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.

2.2. Ban hành văn bản triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến phù hợp với tình hình đơn vị. Ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến.

2.3. Đẩy mạnh việc đăng tải, tuyên truyền, phổ biến sáng kiến trên các nền tảng xã hội để chia sẻ kinh nghiệm và lan tỏa các giải pháp hiệu quả.

2.4. Gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng **trong tỉnh và toàn quốc** của sáng kiến, đề tài về Sở GDĐT (qua Văn phòng Sở GDĐT), để tổng hợp gửi Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi file hồ sơ qua địa chỉ **email: [phongcntt.soninhbinh@moet.edu.vn](mailto:phongcntt.soninhbinh@moet.edu.vn)**. **Thời gian gửi từ ngày 10/5 đến trước ngày 25/5 hằng năm**. Sở GDĐT không tiếp nhận hồ sơ đề cử quá hạn thời gian nêu trên.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện; đảm bảo hiệu quả, chính xác, đúng thời gian quy định.

*(Gửi kèm Công văn số 2066/HD-SKHHCN ngày 04/12/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ; các Phụ lục tham khảo)./.*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND xã, phường;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Trang thông tin điện tử của Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đinh Quốc Trường**